UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 150 /QĐ-UBND	*Châu Thành, ngày 27 tháng 11 năm 2020*

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành
Tỉnh Sóc Trăng
27/11/2020 16:44:36 +07:00

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt thiết kế Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 107/TTr.KT&HT ngày 23/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

2.1. Quy hoạch chung xây dựng xã

- Vị trí quy hoạch: Phạm vi nghiên cứu quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Đông: Giáp huyện Long Phú;

+ Phía Tây: Giáp xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành;

+ Phía Nam: Giáp xã Phú Tân, huyện Châu Thành;

+ Phía Bắc: Giáp huyện Kế Sách.

Quy mô lập quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính xã Phú Tâm. Diện tích đất tự nhiên toàn xã là 4.099,54 ha;

2.2. Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã

- Vị trí quy hoạch: Ấp Phú Hữu và ấp Phú Thành B, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Đông giáp đất ruộng lúa;

+ Phía Tây giáp Kênh Hậu Phú Hữu;

+ Phía Nam giáp kênh ranh Phú Tâm - Phú Tân;

+ Phía Bắc giáp đất dân cư và ruộng lúa;

- Diện tích lập quy hoạch là 101,61ha.

3. Mục tiêu quy hoạch, tính chất

- Mục tiêu: Đáp ứng các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế, xã hội của huyện trong phát triển xây dựng trên địa bàn xã.

- Tính chất: Là xã nông nghiệp, có kết hợp thương mại, dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Loại hình sản xuất chính là trồng cây ăn trái và trồng lúa.

4. Quy mô dân số, lao động

- Dân số toàn xã là 20.006 người, số người trong độ tuổi lao động là 8.816 người chiếm 98,42%. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo chiếm 43,55%.

- Dự báo dân số đến năm 2025 là 9.697 người và đến năm 2030 là 10.666 người.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

5.1. Các chi tiêu phát triển điểm dân cư nông thôn

- Chỉ tiêu sử dụng đất:

+ Đất ở hộ nông nghiệp: 400 ÷ 800 m^2/hộ.

+ Đất ở hộ phi nông nghiệp: 120 ÷ 150 m^2/hộ.

+ Đất công trình công cộng: 4 ÷ 5 m^2/người.

+ Đất cây xanh công cộng: 6 ÷ 10 m^2/người.

+ Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 10 ÷ 15 m^2/người.

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Cấp nước sinh hoạt: 80 lít/người/ngày.

+ Vòi nước công cộng: 40 lít/người/ngày.

+ Cấp nước công trình công cộng: 10% cấp sinh hoạt.

+ Dự phòng hao hụt, rò rỉ: 15% tổng nhu cầu.

- Chỉ tiêu thoát nước thải: lấy ≥ 80% lượng nước cấp.

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Cấp điện sinh hoạt: ≥ 200 KWh/người;

+ Phụ tải: ≥ 150 W/người;

+ Cấp điện công trình công cộng: 15% nhu cầu điện sinh hoạt.

5.2. Các chỉ tiêu công trình công cộng, dịch vụ và phục vụ sản xuất

- Diện tích đất công sở: ≥ 1.000 m^2.

- Nhà trẻ, trường mầm non: ≥ 8 m^2/học sinh.

- Trường tiểu học: ≥ 6 m^2/học sinh.

- Trường trung học cơ sở: ≥ 6 m^2/học sinh.

- Trạm y tế xã: ≥ 1.000 m^2/trạm.

- Trung tâm văn hóa, thông tin xã: ≥ 1.000 m^2.

- Nhà văn hóa thể thao ấp: ≥ 500 m^2;

- Chợ nông thôn: ≥ 3.000 m^2/chợ;

- Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông: ≥ 150 m^2/điểm;

- Nghĩa trang, cải táng: ≤ 5 m^2/mộ;

- Trạm thú y: 500m^2/trạm.

6. Phân khu chức năng

- Các khu chức năng trên địa bàn xã: Khu ở (gồm các thôn, xóm nhà ở và các công trình phục vụ); Khu trung tâm xã; Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất; Các công trình hạ tầng xã hội của xã; Các công trình kỹ thuật hạ tầng của xã.

- Các khu chức năng trong trung tâm xã: Nhà ở mật độ thấp, nhà cải tạo; Trụ sở các cơ quan hành chính, chợ, thương mại, y tế, cấp nước, văn hóa, bưu điện, giáo dục, bến xe, tôn giáo, tiểu thủ công nghiệp, cây xanh + TDTT.

- Cơ cấu sử dụng đất trung tâm tâm xã:

STT	Loại đất	Lô đất	Diện tích (m^2)	Tỷ trọng (%)
A	**Đất ở**		**442.172**	**43,52**
01	Nhà ở mật độ thấp	MĐT1,2,….	134.110	13,20
02	Nhà cải tạo	CT1,2,…	308.062	30,32
B	**Đất công trình công cộng**		**208.531**	**20,52**
01	Hành chính	HC	2.126	0,21
02	Chợ	CH	5.221	0,51
03	Thương mại dự trữ	TM	25.256	2,49
04	Y tế	YTE	647	0,06
05	Y tế dự trữ	YTEDT	1.500	0,15
06	Cấp nước	CN	1.036	0,10
07	Văn hóa	VH	1.437	0,14
08	Bưu điện	BĐ	416	0,04
09	Giáo dục	GD1,2..	28.179	2,77
10	Bến xe	BX	978	0,10
11	Tôn giáo	TG	22.607	2,22
12	Tiểu thủ công nghiệp	TTCN1,2	103.506	10,19
13	Mặt nước		17.122	1,69
C	**Đất dự trữ**	**DT1,2,3..**	**149.367**	**14,70**
D	**Đất giao thông**		**172.784**	**17,00**
01	Đối ngoại		38.284	3,77
02	Đối nội		134.500	13,24
E	**Cây xanh + TDTT**	**CX+TDTT**	**43.250**	**4,26**
	Tổng		**1.016.104**	**100.00**

- Chỉ tiêu xây dựng các khu chức năng toàn xã:

STT	Công trình	Mật độ xây dựng (%)	Mật độ cây xanh (%)	Tầng cao xây dựng	Hệ số sử dụng đất tối đa
1	Nhà ở mật độ thấp	≤ 50	≥ 30	1 ÷ 7	3,5
2	Nhà ở cải tạo, chỉnh trang	≤ 90	≥ 10	1 ÷ 7	6,3
3	Khu hành chính tập trung	≤ 50	≥ 30	1 ÷ 3	1,5
4	Bến xe trung tâm xã	≤ 30	≥ 30	1	0,3
5	Bưu điện xã	≤ 80		1 ÷ 2	1,6
6	Trạm cấp nước	≤ 60	≥ 20	1 ÷ 2	1,2
7	Trạm y tế	≤ 40	≥ 20	1 ÷ 2	0,8
8	Khu giáo dục	≤ 40	≤ 30	1 ÷ 3	1,2
9	Công viên cây xanh	≤ 10	≥ 60	1	0,1

7. Định hướng tổ chức không gian xã

7.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc các công trình công cộng, dịch vụ

- Các công trình công cộng, dịch vụ chủ yếu tập trung trong trung tâm xã và dọc theo tuyến đường huyện, trục xã.

- Tổng thể bố cục kiến trúc cảnh quan hài hòa, đảm bảo mỹ quan tạo ra một khu chức năng đô thị hiện đại, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, môi trường xanh, sạch, đẹp. Chiều cao công trình xây dựng phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn thông thủy theo quy định và tầng cao quy hoạch chung cho toàn khu. Các công trình đảm bảo thiết kế cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- Khu công viên cây xanh trung tâm xã: Kết hợp TDTT tạo điều kiện cho người dân rèn luyện sức khỏe. Các công trình có quy mô nhỏ với tỷ lệ thích hợp, không che chắn tầm nhìn.

- Các vật thể kiến trúc khác: Các loại biển hiệu, biển quảng cáo tại mặt tiền công trình không được sử dụng chất liệu có độ phản quang ≥ 70%, nội dung quảng cáo và công tác xây dựng, lắp đặt đảm bảo theo quy định.

7.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo

- Hình thức kiến trúc đơn giản, hiện đại, không bố trí nhiều chi tiết ở các mặt tiền công trình.

- Màu sắc chủ đạo: Sử dụng màu sáng nhẹ cảm giác dễ chịu. Không sử dụng quá 04 màu, không sử dụng màu đen, cam, đỏ, màu đậm và màu tối sẫm làm màu chủ đạo bên ngoài.

- Vật liệu chủ đạo: Nhà khung bê tông cốt thép chịu lực, tường xây gạch; bao che: tường xây gạch, mái lợp tole. Không sử dụng vật liệu tạm, thô sơ để che chắn.

- Hàng rào: Chỉ áp dụng đối với các dãy nhà có khoảng lùi xây dựng (được phép xây dựng trong ranh lô đất, không vi phạm lộ giới. Hình thức hàng rào thông thoáng, tường xây cao không quá 0,6m.

7.3. Tổ chức các khu vực sản xuất, (tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề và phục vụ sản xuất nông nghiệp…) dịch vụ và các khu vực đặc thù khác

Các công trình đảm bảo đấu nối giao thông thuận tiện, kết nối đầy đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật. Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất có tác động xấu tới môi trường phải bố trí ngoài khu ở, gần đầu mối giao thông, thành các cụm sản xuất. Những cơ sở không gây độc hại có thể bố trí trong khu ở, tại các nhà phụ của từng hộ gia đình nhưng không được để nước thải và tiếng ồn gây ô nhiễm môi trường. Giữa các khu sản xuất với nhau và với khu ở đảm bảo khoảng cách ly theo quy định.

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất

8.1. San nền: Cao độ xây dựng chung cho các điểm dân cư trong xã Phú Tâm là: Hxd ≥2,0m.

8.2. Giao thông

Quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ dựa trên các tuyến đường giao thông hiện hữu trên địa bàn xã để thực hiện duy tu bảo dưỡng hoặc nâng cấp, mở rộng mặt đường.

STT	Tên đường	Quy hoạch		
		Dài (m)	Mặt đường (m)	Kết cấu
I	**Trục xã, đường từ trung tâm xã đến đường huyện**			
1	Đường Thuận Hòa-Phú Tâm (Đường huyện 94)	9.494	5,5	Nhựa
II	**Đường trục ấp, xóm**			
1	Đường Kênh Sư đạo xã Phú Tâm (Đường huyện 92)	570	5,5	Nhựa
2	Đường Kênh số 10 (bên phải tuyến)	1.710	3,5	BTCT
3	Đường kênh Chệch Chén	3.180	3,5	BTCT
4	Đường kênh 30/4 (Đường huyện 95)	3.000	3,5	BTCT
5	Đường Na Tưng - Cây Sộp	4.000	3,5	BTCT
6	Đường Giồng Cát-Mỏ Neo	3.709	3,5	BTCT
7	Đường Cầu chùa đi trường khánh	3.255	3,5	BTCT
8	Đường Ấp Phú Hòa A	733	3,5	BTCT

9	Đường đal Kênh ngang	767	3,5	BTCT
10	Đường Kênh Thủy Lợi (cầu Nhật Hải)	1.376	3,5	BTCT
11	Đường Kênh 20 (Đường huyện 96)	1.750	3,5	BTCT
12	Đường Kênh 6 (Đường huyện 97)	4.500	3,5	BTCT
13	Đường Kênh 3 Hú - Tăng Sến	4.803	3,5	BTCT
14	Đường kênh Bảy Quýt	3.989	3,0	BTCT
15	Đường đal ấp Phú Hòa A	1.100	3,5	BTCT
III	**Đường ngõ, xóm sạch**			
1	Đường kênh Phú Nổ 2	1.417	3,0	BTCT
2	Đường kênh Ba Đức (ấp Sóc Tháo)	1.322	3,0	BTCT
3	Đường kênh 2 Quang	691	2,0	BTCT
4	Đường Sóc Tháo – Phú Bình	2.950	3,0	BTCT
5	Đường kênh Ô Quên	2.548	2,0	BTCT
6	Đường Phú Thành A	3.535	3,0	BTCT

- Hệ thống giao thông đường bộ trong trung tâm xã: Kết cấu mặt đường bằng nhựa (hoặc bê tông cốt thép). Hệ thống giao thông quy hoạch đảm bảo mối liên hệ với khu vực hiện trạng và kết nối với Đường tỉnh 932 và 932D.

STT	Tên đường	Mặt cắt	Chiều dài (m)	Quy cách (m)			Lộ giới
				Lề đường	Lòng đường	Lề đường	
1	Đường tỉnh 932	1-1	1442	4,5	11	4,5	20
2	Đường tỉnh 932D	1-1	753	4,5	11	4,5	20
3	Đường Thuận Hòa - Phú Tâm (Huyện lộ 94)	2-2	385	3	7	3	13
1	Đường D1	6-6	1504	2	4	3	9
2	Đường D2	3-3	891	3	5	3	11
3	Đường D3	3-3	313	3	5	3	11
4	Đường D4	6-6	1177	2	4	3	9
5	Đường D5	5-5	1178	3	5	3	11

6	Đường D6	3-3	329	3	5	3	11
7	Đường D7	3-3	802	3	5	3	11
8	Đường D8	3-3	1123	3	5	3	11
9	Đường D9	3-3	199	3	5	3	11
12	Đường N1	3-3	533	3	5	3	11
13	Đường N2	3-3	303	3	5	3	11
14	Đường N3	6-6	284	2	4	3	9
15	Đường N4	6-6	284	2	4	3	9
16	Đường N5	3-3	732	3	5	3	11
17	Đường N6	3-3	754	3	5	3	11
18	Đường N7	4-4	435	2	4	2	8
19	Đường N8	4-4	434	2	4	2	8
20	Đường N9	4-4	236	2	4	2	8

- Đường thủy: Mạng lưới kênh rạch rất phong phú, bề mặt kênh rạch tương đối lớn phục vụ cho các ghe xuồng có tải trọng nhỏ và lớn. Giao thông thủy chủ đạo của xã hiện tại chỉ có kênh 30/4, kênh 20 và tuyến kênh Phú Nổ mặt rộng 10m – 30m còn lại các tuyến kênh rạch có bề mặt nhỏ 08m - 15m chỉ lưu thông ghe xuồng nhỏ và phục vụ sản xuất nông nghiệp; Kênh 30/4, kênh 20 và tuyến kênh Phú Nổ là đường thủy chủ đạo của xã Phú Tâm, kênh chạy từ xã Phú Tân đến Kế Sách và đi xuyên qua xã Phú Tâm. Định hướng quy hoạch cho mạng lưới giao thông thuỷ trên địa bàn xã là giữ nguyên hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã và có kế hoạch nạo vét thường xuyên nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp.

8.3. Cấp nước

Khai thác nguồn nước ngầm tại chỗ và xử lý hợp vệ sinh. Nước được xử lý tại các trạm cấp nước tập trung và cấp đến các hộ dân thông qua mạng đường ống.

8.4. Thoát nước thải

- Nước thải tại các điểm dân cư và các công trình công cộng: Nước thải được xử lý qua hầm tự hoại 03 ngăn trước khi thoát vào hệ thống chung. Đối với trung tâm xã bố trí bể xử lý nước thải tập trung (hồ sinh học) để xử lý triệt để trước khi thải ra kênh rạch tự nhiên. Xây dựng 02 hồ sinh học với công suất Q=500m^3/ngđ (F=1000m^2), Q= 250m^3/ngđ (F=500m^2).

- Nước thải tại các công trình phục vụ sản xuất được thiết kế hệ thống thu gom riêng và đưa về trạm xử lý tập trung đạt chuẩn trước khi thoát ra kênh rạch hiện hữu.

8.5. Cấp điện: Nguồn cấp điện là tuyến trung thế 22kV dự kiến từ mạng điện quốc gia. Lưới điện được cấp chính từ đường dây trung thế trên đường Tỉnh 932 cấp cho các khu dân cư, tuyến dân cư và cấp cho tuyến phục vụ sản xuất, kinh doanh buôn bán các mặt hàng nông sản.

8.6. Chiếu sáng: Hệ thống chiếu sáng trung tâm xã phải đảm bảo mỹ quan đô thị, sử dụng chóa đèn led tiết kiệm điện theo quy định.

8.7. Vệ sinh môi trường: Đầu tư xe thu gom hệ thống thu gom rác thải. Rác thải sinh hoạt sẽ được thu gom mỗi ngày về bãi tập kết rác, trước khi đưa về bãi xử lý tập trung theo quy hoạch được duyệt; rác thải từ khu vực chợ sẽ có bãi tập kết tạm thời trong khu chợ và sẽ được đội thu gom vận chuyển đến bãi xử lý tập trung mỗi ngày; chất thải rắn từ các công trình phục vụ sản xuất: Chủ đầu tư (chủ doanh nghiệp) có trách nhiệm sẽ hợp đồng với đội thu gom hoặc nhà máy xử lý rác tập trung để xử lý triệt để; chất thải y tế nguy hại sẽ được xử lý tại lò đốt rái y tế đúng chuẩn được đầu tư cho trạm y tế trung tâm xã; quy hoạch nghĩa trang nhân dân xã Phú Tâm tiếp giáp thuận lợi cả đường thủy và đường bộ nên khuyến khích người dân an táng mộ vào nghĩa trang tập trung của xã nhằm đảm bảo vệ sinh và cảnh quan môi trường.

8.8. Thông tin liên lạc: Hệ thống thông tin liên lạc trung tâm xã đáp ứng được nhu cầu sử dụng cơ bản của người dân và được hoà vào mạng viễn thông quốc gia, được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên. Các tuyến cống bể và cáp đồng, cáp quang, ... phải có ống bảo vệ và được đặt ngầm trong vỉa hè đảm bảo các quy định của ngành viễn thông.

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

9.1. Công trình công cộng

- Chợ nông thôn.

- Khu văn hóa thể thao trung tâm xã và các khu văn hóa thể thao liên ấp.

- Cải tạo, xây dựng mới các trạm cấp nước.

- Cải tạo, nâng cấp, xây mới và mở rộng các điểm trường học chưa đạt về cơ sở vật chất cũng như đất đai.

9.2. Công trình giao thông

+ Đường kênh Sư Đạo xã Phú Tâm (Đường huyện 92) (Giáp xã Hồ Đắc Kiện - Giáp kênh 30/04). Hiện trạng: Đường đất. Quy hoạch: Dài 570 m, rộng 5,5m, kết cấu đường nhựa.

+ Đường Kênh số 10 (bên phải tuyến) (Giáp kênh 30/04 - Giáp lộ Giồng Cát). Hiện trạng: Đường đất. Quy hoạch: Dài 1.710 m, rộng 3,5m, kết cấu đường BTCT.

+ Đường kênh Chệch Chén (Giáp Đường Thuận Hòa - Phú Tâm - Giáp huyện Kế Sách). Hiện trạng: Dài 900m, rộng 3,5m, kết cấu đường BTCT. Quy hoạch: Dài 3.180m, rộng 3m, kết cấu đường BTCT.

+ Đường kênh 30/4 (Đường huyện 95) (Giáp TT.Châu Thành - Giáp xã Hồ Đắc Kiện). Hiện trạng: Đường đất. Quy hoạch: Dài 3.000m, rộng 3,5m, kết cấu đường BTCT.

+ Đường Na Tưng đi cây Sộp (Giáp kênh Chệch Chén - Giáp tỉnh lộ 932). Hiện trạng: Dài 2.611m, rộng 3,5m, kết cấu đường BTCT. Quy hoạch: Dài 4.000m, rộng 3m, kết cấu đường BTCT.

+ Đường Cầu Chùa đi Trường Khánh (Giáp tỉnh lộ 932 - Giáp Trường Khánh - Long Phú). Hiện trạng: Đường đất. Quy hoạch: Dài 3.255m, rộng 3m, kết cấu đường BTCT.

+ Đường Kênh 20 (Đường huyện 96) (Giáp xã Trường Khánh - Giáp xã Phú Tân). Hiện trạng: Đường đất. Quy hoạch: Dài 1750m, rộng 3,5m, kết cấu đường BTCT.

+ Đường Kênh 6 (Đường huyện 97) (Giáp xã Phú Tân - Giáp huyện Kế Sách). Hiện trạng: Đường đất. Quy hoạch: Dài 4500m, rộng 3,5m, kết cấu đường BTCT.

+ Đường Kênh 3 Hú - Tăng Sến (Đường Thuận Hòa - Phú Tâm - Giáp tỉnh lộ 932). Hiện trạng: Đài 200, rộng 3,5m, kết cấu đường BTCT. Quy hoạch: Dài 4.803m, rộng 3m, kết cấu đường BTCT.

+ Đường kênh Bảy Quýt (Cầu Phú Hòa - Giáp tỉnh lộ 932). Hiện trạng: Dài 2.746m, rộng 3,5m, kết cấu đường BTCT. Quy hoạch: Dài 3.989m, rộng 3m, kết cấu đường BTCT.

10. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: Kèm theo thuyết minh đồ án quy hoạch.

Điều 2. Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm phối hợp với đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các thủ tục lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ và công bố quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính và Kế hoạch; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng; Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Tâm và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các Sở: TNMT; XD; GTVT;
- Lưu: VT, NC.Thịnh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH T. SÓC TRĂNG

Ngô Thanh Toàn